

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Hải Dương, 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Công nghệ thông tin
Ngành đào tạo	: Công nghệ thông tin (Information Technology)
Mã ngành	: 7480201
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số 405/QĐ-ĐHSD, ngày 24 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ thông tin có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện; có năng lực nghiên cứu và kỹ năng phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin; có khả năng học tập suốt đời, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, thích nghi nhanh với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng, có ý thức tổ chức kỷ luật. Sinh viên sau khi tốt nghiệp sớm có việc làm và có thu nhập cao.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về khoa học tự nhiên, toán học, tin học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức cơ bản về hệ điều hành, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu, phân tích hệ thống công nghệ thông tin.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu để thiết kế, lập trình và quản trị hệ thống công nghệ thông tin; vận dụng các công nghệ hiện đại trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

1.2.1.2c. Có kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng phân tích hệ thống, thiết kế, lập trình và quản trị dự án phần mềm, hệ thống công nghệ thông tin.

1.2.2.2. Có kỹ năng đánh giá, phát triển và áp dụng các công nghệ hiện đại; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành công nghệ thông tin.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu chuyên môn, giải quyết công việc, giao tiếp với cộng sự chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có khả năng tự học, năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực tổ chức, điều hành, quản lý, giải quyết các công việc trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng kỹ sư Công nghệ thông tin; đảm nhận được công việc ở các vị trí: lập trình viên phát triển phần mềm, kỹ thuật viên kiểm duyệt chất lượng phần mềm, chuyên viên phân tích thiết kế hệ thống, quản lý dữ liệu, quản trị hệ thống mạng, kỹ thuật phần cứng máy tính, kỹ thuật viên hoặc quản trị viên hệ thống công nghệ thông tin, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực công nghệ thông tin ...

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những kiến thức về lý luận Mác-Lênin, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên, toán học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Áp dụng được các kiến thức về nguyên lý, kiến trúc chung của hệ điều hành, máy tính; các giải thuật, phương pháp tối ưu và quản trị cơ sở dữ liệu; các kỹ thuật phân tích hệ thống trong phân tích dự án phần mềm, hệ thống công nghệ thông tin.

2.1.4. Vận dụng được kiến thức về thiết kế, lập trình để xây dựng, phát triển và quản trị dự án phần mềm, hệ thống công nghệ thông tin; có kiến thức thiết kế và xử lý đồ họa trên máy tính.

2.1.5. Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

2.1.6. Hiểu về quản lý và điều hành được hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp liên quan đến công nghệ thông tin.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Phân tích, tối ưu được cơ sở dữ liệu, hệ thống; tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin một cách khoa học và hiệu quả.

2.2.2. Sử dụng thành thạo các công cụ lập trình, thiết kế và lập trình được các ứng dụng trên các môi trường phổ biến; vận hành phần cứng, phần mềm công nghệ thông tin hiệu quả; thiết kế được các sản phẩm đồ họa trên máy tính.

2.2.3. Phân tích, quản trị và phát triển được hệ thống cơ sở dữ liệu, dự án phần mềm đúng quy trình, hệ thống công nghệ thông tin an toàn và bảo mật.

2.2.4. Truyền đạt được vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng dễ hiểu, đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng được với môi trường, công việc mới và dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có khả năng định hướng, lập kế hoạch, hướng dẫn công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2.3.3. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và phản biện khoa học các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

2.3.4. Có năng lực quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Công nghệ thông tin.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 161 tín chỉ (không kể tín chỉ giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	66	48	18
8.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
4	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
5	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội – nhân văn	4	4	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	2	2	0
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
8.1.2.2		PHẦN TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN (chọn 1 trong các học phần)	2	2	0
7	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
8	KHXH 013	Truyền thông giao tiếp	2	2	0
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)	11	11	0
8.1.3.1		Tiếng Anh	11	11	0
10	TANH 001	Tiếng Anh 1	2	2	0
11	TANH 002	Tiếng Anh 2	2	2	0
12	TANH 003	Tiếng Anh 3	2	2	0
13	TANH 004	Tiếng Anh 4	2	2	0
14	TANH 012	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	11	11	0
15	TTRUNG 004	Tiếng Trung 1	2	2	0
16	TTRUNG 005	Tiếng Trung 2	2	2	0
17	TTRUNG 006	Tiếng Trung 3	2	2	0
18	TTRUNG 007	Tiếng Trung 4	2	2	0
19	TTRUNG 008	Tiếng Trung 5	3	3	0
8.1.3.3		Tiếng Nhật	11	11	0
20	TNHAT 001	Tiếng Nhật 1	2	2	0
21	TNHAT 002	Tiếng Nhật 2	2	2	0
22	TNHAT 003	Tiếng Nhật 3	2	2	0
23	TNHAT 004	Tiếng Nhật 4	2	2	0
24	TNHAT 005	Tiếng Nhật 5	3	3	0
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên – Tin học cơ bản	18	15	3
8.1.4.1		PHẦN BẮT BUỘC	15	12	3
25	TOAN 002	Toán cao cấp 1	3	3	0
26	TOAN 003	Toán cao cấp 2	3	3	0
27	VLY 001	Vật lý ứng dụng A1	3	2	1
28	VLY 002	Vật lý ứng dụng A2	2	2	0
29	TINCB 001	Tin học cơ bản 1	2	1	1
30	TINCB 002	Tin học cơ bản 2	2	1	1
8.1.4.2		PHẦN TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		<i>(chọn 1 trong các học phần)</i>			
31	TOAN 008	Xác suất và thống kê	3	3	0
32	TOAN 002	Phương pháp tính	3	3	0
33	TOAN 009	Quy hoạch tuyến tính	3	3	0
8.1.5		Giáo dục thể chất	3	0	3
34	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
35	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
36	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
8.1.6		Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4
37	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165h (4TC)		
8.1.7		Kỹ năng mềm	15	7	8
38	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	4	2	2
39	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	3	1	2
40	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	4	2	2
41	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	4	2	2
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	102	51	51
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	17	15	2
42	CNTT 008	Toán rời rạc	2	2	0
43	CNTT 002	Cơ sở dữ liệu	2	2	0
44	CNTT 004	Lập trình C	3	2	1
45	CNTT 006	Nguyên lý hệ điều hành	2	2	0
46	CNTT 007	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	2	0
47	CNTT 001	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3	0
48	CNTT 005	Mạng máy tính	3	2	1
8.2.2		Kiến thức ngành	36	20	16
8.2.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	34	19	15
49	CNTT 016	Lập trình Python	3	2	1
50	CNTT 014	Lập trình C++	4	2	2
51	CNTT 020	Quản trị cơ sở dữ liệu SQL server	3	2	1
52	CNTT 022	Thiết kế web	3	2	1
53	CNTT 018	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	2	1
54	CNTT 010	Bảo trì hệ thống	3	1	2
55	CNTT 017	Ngôn ngữ Java	4	2	2
56	CNTT 023	Trí tuệ nhân tạo	2	2	0
57	CNTT 019	Phát triển ứng dụng Web	4	2	2

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
58	CNTT 012	Công nghệ phần mềm	3	2	1
59	CNTT 013	Đồ án kiến thức ngành	2	0	2
8.2.2.2		PHẦN TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN (chọn 1 trong các học phần)	2	1	1
60	CNTT 021	SEO Master	2	1	1
61	CNTT 009	Autocard	2	1	1
62	CNTT 015	Lập trình game 3D	2	1	1
8.2.3		Kiến thức chuyên ngành (Chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau)	27	16	11
8.2.3.1		PHẦN BẮT BUỘC CÁC CHUYÊN NGÀNH			
A		Chuyên ngành Công nghệ phần mềm	27	16	11
63	CNTT 104	Lập trình C Sharp	3	2	1
64	CNTT 103	Kiến trúc phần mềm	3	2	1
65	CNTT 105	Phát triển ứng dụng di động	3	2	1
66	CNTT 102	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	3	2	1
67	CNTT 106	Quản lý dự án phần mềm	3	2	1
68	CNTT 101	Đồ án công nghệ phần mềm	3	0	3
B		Chuyên ngành Mạng máy tính	27	16	11
69	CNTT 205	Hệ điều hành Linux	3	2	1
70	CNTT 211	Phân tích và thiết kế mạng máy tính	3	2	1
71	CNTT 201	An toàn và an ninh mạng	3	2	1
72	CNTT 206	Lập trình mạng	3	2	1
73	CNTT 215	Quản trị mạng	3	2	1
74	CNTT 204	Đồ án mạng máy tính	3	0	3
8.2.3.2		PHẦN TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN (cho các chuyên ngành, chọn 3 học phần trong các học phần sau)	9	6	3
75	CNTT 202	Bảo mật thông tin	3	2	1
76	CNTT 210	Oracle	3	2	1
77	CNTT 207	Lập trình Web (ASP.NET)	3	2	1
78	CNTT 214	Xử lý ảnh	3	2	1
79	CNTT 209	Dữ liệu lớn – Big Data	3	2	1
80	CNTT 212	Phát triển ứng dụng IoT	3	2	1
8.2.3.3.		PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý			
81	CNTT 203	Điện toán đám mây	3	2	1

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
82	CNTT 025	<i>Photoshop</i>	2	1	1
83	CNTT 027	<i>Logic mờ</i>	3	2	1
84	CNTT 107	<i>Thị giác máy tính</i>	3	2	1
85	CNTT 402	<i>Trải nghiệm thực tế doanh nghiệp</i>	4	0	4
8.2.4		Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	22		22
86	CNTT 403	Thực tập tốt nghiệp	10	0	10
87	CNTT 401	Đồ án tốt nghiệp	12	0	12
		Tổng (Tín chỉ)	168		

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	x										x			x	x	
2.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x										x			x	x	
3.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x										x			x	x	
4.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x										x			x	x	
5.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x										x			x	x	
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	x										x			x	x	
7.	KHXH 007	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i>						x					x		x	x	x	
8.	KHXH 013	<i>Truyền thông giao tiếp</i>	x							x					x	x		
9.	KHXH 002	<i>Khởi nghiệp kinh doanh</i>				x							x		x	x	x	
10.	TANH 001	Tiếng Anh 1		x										x	x			
11.	TANH 002	Tiếng Anh 2		x										x	x			
12.	TANH 003	Tiếng Anh 3		x										x	x			
13.	TANH 004	Tiếng Anh 4		x										x	x	x		
14.	TANH 012	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT		x										x		x		
15.	TTRUNG 004	Tiếng Trung 1		x										x	x			
16.	TTRUNG 005	Tiếng Trung 2		x										x	x			
17.	TTRUNG 006	Tiếng Trung 3		x										x	x			
18.	TTRUNG 007	Tiếng Trung 4		x										x	x			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
19.	TTRUNG 008	Tiếng Trung 5		X										X	X			
20.	TNHAT 001	Tiếng Nhật 1		X										X	X			
21.	TNHAT 002	Tiếng Nhật 2		X										X	X			
22.	TNHAT 003	Tiếng Nhật 3		X										X	X			
23.	TNHAT 004	Tiếng Nhật 4		X										X	X			
24.	TNHAT 005	Tiếng Nhật 5		X										X	X			
25.	TOAN 002	Toán cao cấp 1		X								X		X	X			
26.	TOAN 003	Toán cao cấp 2		X								X		X	X			
27.	VLY 001	Vật lý ứng dụng A1		X								X		X				
28.	VLY 002	Vật lý ứng dụng A2		X								X		X				
29.	TINCB 001	Tin học cơ bản 1			X						X			X	X			
30.	TINCB 002	Tin học cơ bản 2		X		X				X				X	X			
31.	TOAN 008	Xác suất và thống kê		X								X		X	X			
32.	TOAN 002	Phương pháp tính		X								X		X	X			
33.	TOAN 009	Quy hoạch tuyến tính		X								X		X	X			X
34.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	X										X		X			
35.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	X										X		X			
36.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	X										X		X			
37.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	X										X		X			
38.	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	X										X	X		X	X	

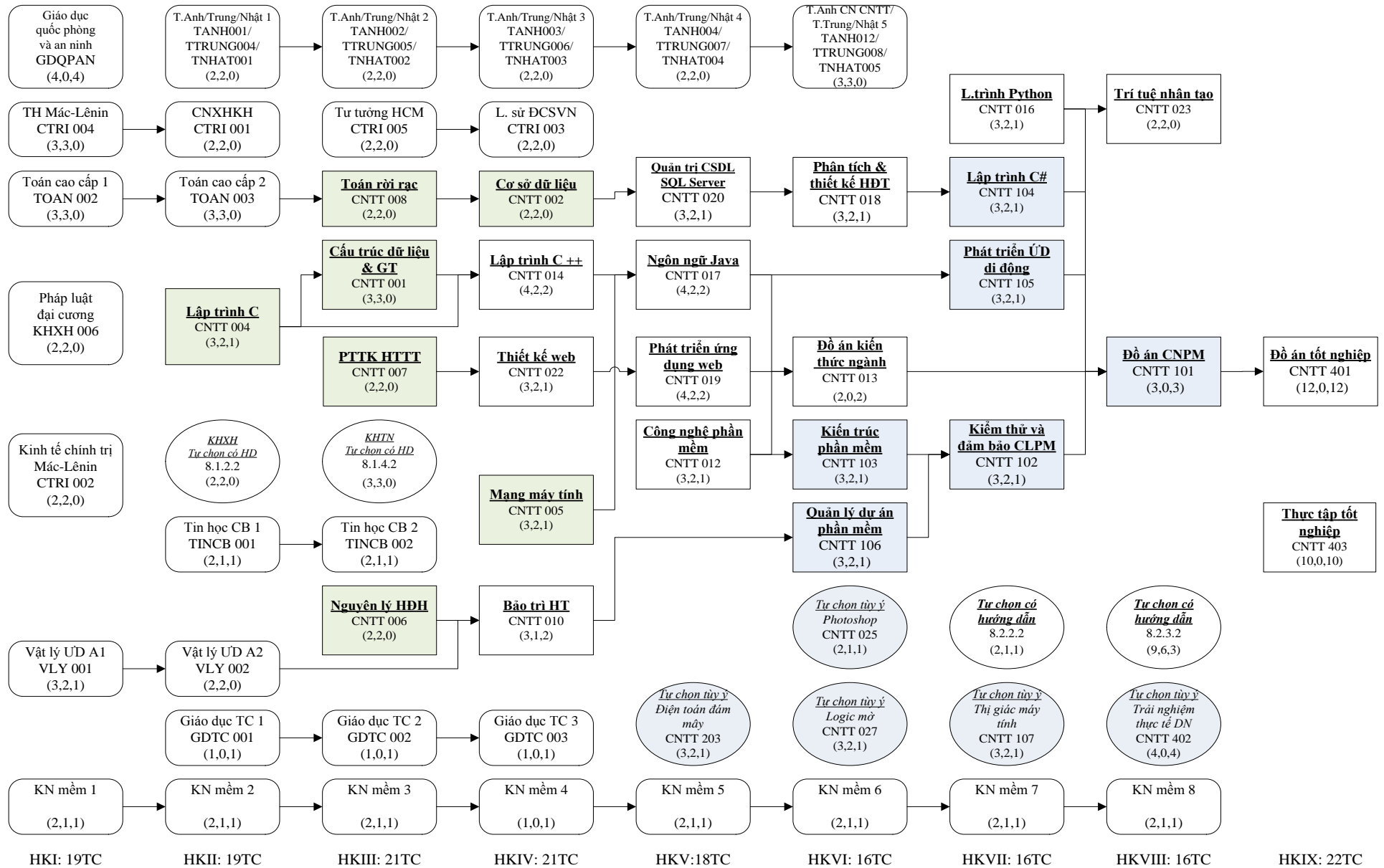
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
39.	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	x										x	x		x	x	
40.	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	x										x	x		x	x	
41.	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	x										x	x		x	x	
42.	CNTT 008	Toán rời rạc			x					x						x		
43.	CNTT 002	Cơ sở dữ liệu			x	x				x	x	x				x	x	x
44.	CNTT 004	Lập trình C						x				x				x		
45.	CNTT 006	Nguyên lý hệ điều hành			x						x	x	x			x		x
46.	CNTT 007	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin			x	x				x		x				x	x	
47.	CNTT 001	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			x					x						x		x
48.	CNTT 005	Mạng máy tính			x	x				x		x	x	x		x	x	x
49.	CNTT 016	Lập trình Python			x	x				x		x				x	x	
50.	CNTT 014	Lập trình C++			x	x					x	x				x	x	
51.	CNTT 020	Quản trị cơ sở dữ liệu SQL server				x				x	x	x		x		x	x	x
52.	CNTT 022	Thiết kế web				x					x	x				x	x	
53.	CNTT 018	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng			x	x				x	x	x				x	x	
54.	CNTT 010	Bảo trì hệ thống						x	x		x			x		x	x	
55.	CNTT 017	Ngôn ngữ Java				x					x					x	x	
56.	CNTT 023	Trí tuệ nhân tạo			x			x				x	x	x		x	x	
57.	CNTT 019	Phát triển ứng dụng Web				x					x	x				x	x	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
58.	CNTT 012	Công nghệ phần mềm				X	X				X	X			X	X		
59.	CNTT 013	Đồ án kiến thức ngành				X	X				X	X	X		X		X	
60.	CNTT 021	SEO Master					X				X				X	X		
61.	CNTT 009	Autocard				X				X					X	X		
62.	CNTT 015	Lập trình game 3D				X				X	X		X		X	X		
63.	CNTT 104	Lập trình C Sharp			X	X					X	X			X	X		
64.	CNTT 103	Kiến trúc phần mềm						X				X			X	X		
65.	CNTT 105	Phát triển ứng dụng di động				X				X					X	X		
66.	CNTT 102	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm			X		X		X			X	X		X	X		
67.	CNTT 106	Quản lý dự án phần mềm			X	X	X			X	X	X			X	X		
68.	CNTT 101	Đồ án công nghệ phần mềm						X			X	X			X			
69.	CNTT 205	Hệ điều hành Linux			X	X				X	X				X		X	
70.	CNTT 211	Phân tích và thiết kế mạng máy tính			X	X					X		X		X		X	
71.	CNTT 201	An toàn và an ninh mạng						X			X				X	X		
72.	CNTT 206	Lập trình mạng					X				X		X		X	X		
73.	CNTT 215	Quản trị mạng				X					X				X			
74.	CNTT 204	Đồ án mạng máy tính						X			X	X			X	X		
75.	CNTT 202	Bảo mật thông tin				X			X		X				X	X		
76.	CNTT 210	Oracle			X	X			X	X	X	X			X	X	X	

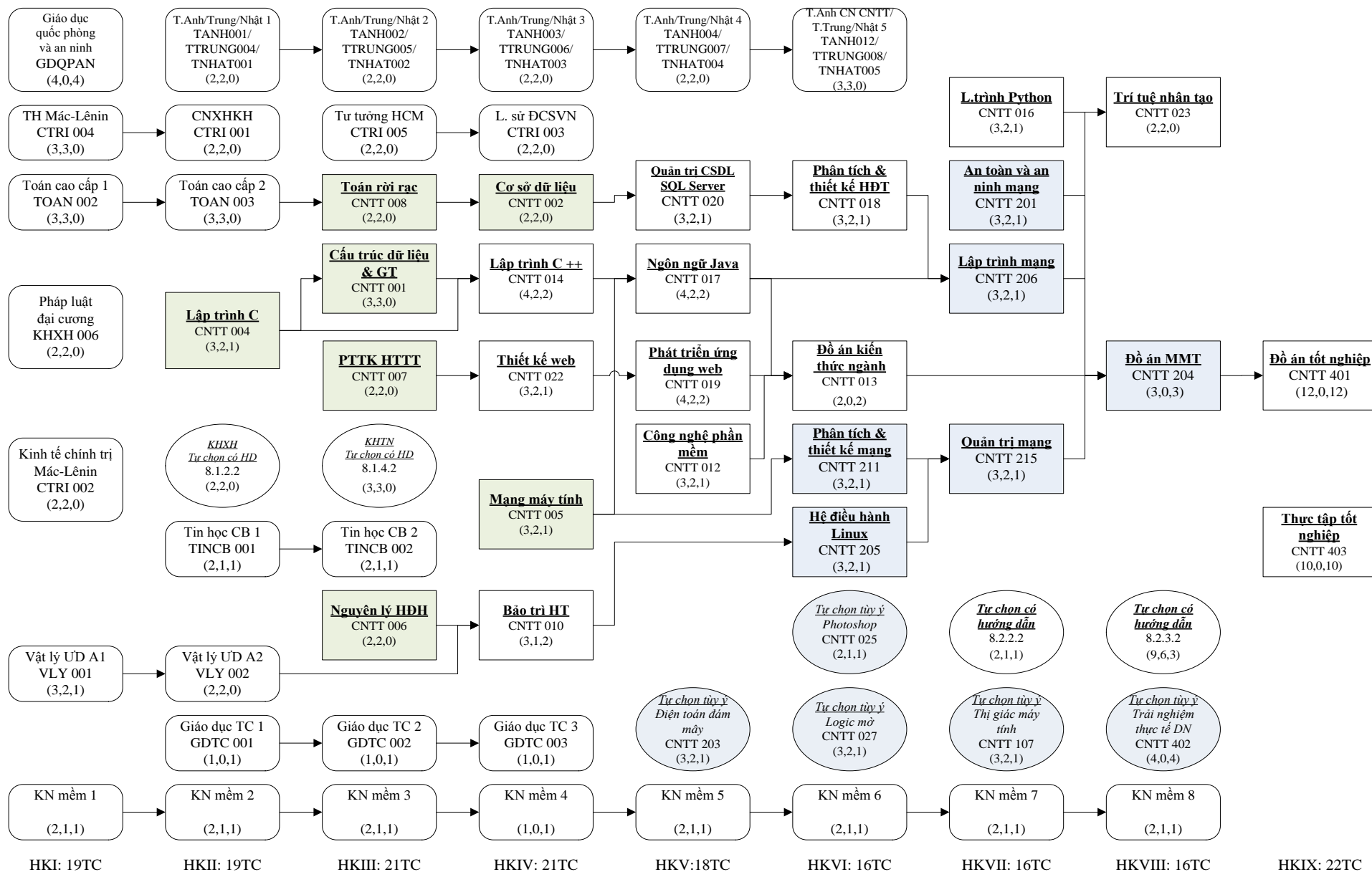
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
77.	CNTT 207	<i>Lập trình Web (ASP.NET)</i>				X					X	X				X	X		
78.	CNTT 214	<i>Xử lý ảnh</i>			X	X				X	X					X	X		
79.	CNTT 209	<i>Dữ liệu lớn – Big Data</i>				X						X	X			X	X		
80.	CNTT 212	<i>Phát triển ứng dụng IoT</i>			X	X				X		X				X	X		
81.	CNTT 203	<i>Điện toán đám mây</i>							X					X		X	X		
82.	CNTT 025	<i>Photoshop</i>				X					X					X			X
83.	CNTT 027	<i>Logic mờ</i>				X						X				X			
84.	CNTT 107	<i>Thị giác máy tính</i>				X						X				X	X		
85.	CNTT 402	<i>Trải nghiệm thực tế doanh nghiệp</i>						X	X				X	X		X	X		
86.	CNTT 403	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>			X	X	X			X		X	X	X		X	X		
87.	CNTT 401	<i>Đồ án tốt nghiệp</i>				X	X	X				X	X	X		X	X		

10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Chuyên ngành Công nghệ phần mềm



10.2. Chuyên ngành Mạng máy tính



11. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – HỆ ĐẠI HỌC

11.1. Mô tả các học phần

1. Triết học Mác-Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

3. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản khoa học về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của Kinh tế chính trị; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Sinh viên nhận thức được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế diễn ra trong xã hội, tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương pháp luận khoa học cho sinh viên trong hoạt động thực tiễn của bản thân

4. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; đường lối lãnh đạo của Đảng về xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng chống thực dân Pháp xâm lược từ 1945 - 1954 và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam thống nhất đất nước từ 1945 - 1975; đường lối Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thông qua các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng giai đoạn 1975 - 1986; lãnh đạo đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế từ năm (1986 - 2020). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng kiến thức đường lối của Đảng vào thực tiễn.

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những kiến thức: vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động, Luật phòng chống tham nhũng. Giúp sinh viên hiểu biết về pháp luật, sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

8. Truyền thông giao tiếp

Truyền thông giao tiếp là môn học trình bày những phương tiện giao tiếp: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, những kỹ thuật giao tiếp cơ bản trong các lĩnh vực: giao tiếp trực tiếp, giao tiếp qua điện thoại, thương lượng, giao tiếp qua thư tín...

9. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

10. Tiếng Anh 1

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,... Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: can, have got, there is/are, like,... và một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi,... Mỗi bài học trong học phần gồm 4 phần, mỗi phần bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

11. Tiếng Anh 2

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kì nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kĩ năng, thói quen văn hóa, chính trị,... Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về động từ to be và động từ thường trong quá khứ, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và thì hiện tại hoàn thành. Kết cấu mỗi bài học trong học phần gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

12. Tiếng Anh 3

Học phần cung cấp cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp về nhóm từ cùng chủ đề, cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể. Mỗi bài học trong học phần gồm 4 phần: Phần I tổng hợp chung về 1 chủ điểm ngữ pháp, bài tập luyện tập củng cố, phần II luyện các kỹ năng nghe mô tả tranh, nghe câu hỏi và cách đáp lại câu hỏi, nghe các đoạn hội thoại ngắn, phần III luyện kỹ năng đọc hiểu, hoàn thành câu, đọc các đoạn văn về chủ điểm cuộc sống đời thường, đọc các lá thư giao dịch thương mại, phần 4 luyện kỹ năng nói, giới thiệu bản thân, trả lời câu hỏi phỏng vấn và nói về một chủ đề nhất định.

13. Tiếng Anh 4

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Nhà cửa, kinh doanh, cuộc sống thường ngày, công việc, nơi làm việc, du lịch, mua sắm... Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về thì của động từ, đại từ nhân xưng; sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, thể bị động, từ nối và giới từ, cấu trúc so sánh, đại từ quan hệ... Phân biệt được cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể, phân biệt các chức năng của từ nối và giới từ, mệnh đề quan hệ sử dụng đại từ quan hệ và trạng từ quan hệ cùng một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi... Học phần cung cấp cho sinh viên cách mở rộng vốn từ bằng cách dùng các tiền tố, hậu tố, phân biệt danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ... và luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nói

tập trung vào các chủ đề thường gặp trong cuộc sống thường ngày, kỹ năng hội thoại, trả lời phỏng vấn. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi - đáp, nghe đoạn hội thoại ngắn và đoạn độc thoại dưới các hình thức thông báo, giảng giải, chỉ dẫn, miêu tả. Kỹ năng đọc yêu cầu sinh viên hoàn thành câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu một hoặc hai đến 3 đoạn văn để trả lời câu hỏi. Các đoạn văn về nhiều chủ đề khác nhau dưới dạng thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận...

14. Tiếng Anh chuyên ngành CNTT

Học phần gồm 14 bài học về các chủ điểm: Các công việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận của máy tính, máy tính trong lĩnh vực giao tiếp, Internet và emails, website, an ninh mạng. Học phần cung cấp cho sinh viên cấu trúc câu với động từ to be, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, các loại câu so sánh, các cấu trúc câu diễn đạt nguyên nhân, lí do, tình trạng, yêu cầu trong lĩnh vực chuyên ngành công nghệ thông tin. Đặc biệt, học phần tăng cường luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

15. Tiếng Trung 1

Học phần gồm 13 bài học về các chủ điểm: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

- Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán.

- Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

16. Tiếng Trung 2

Học phần Tiếng Trung 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ điểm giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.

- Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết tương liên quan đến các chủ điểm giao tiếp trong học phần.

17. Tiếng Trung 3

Học phần Tiếng Trung 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bỏ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: hoạt động hàng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống, ...

18. Tiếng Trung 4

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bỏ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn, hơn nhất, so sánh bằng, so sánh giống nhau, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra. Bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

19. Tiếng Trung 5

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bỏ ngữ kết quả, trợ từ động thái, bỏ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bỏ ngữ xu hướng kép, ... Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

20. Tiếng Nhật 1

Học phần gồm các bài học về chữ viết (nhập môn Kana) - giới thiệu cách đọc, viết 2 bảng chữ Hiragana và Katakana và 4 bài học có kết cấu 5 phần: từ vựng, ngữ pháp và luyện tập ngữ pháp, hội thoại, nghe hiểu, đọc hiểu. Các bài học về các chủ đề: chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, số đếm, cách nói giá cả, thời gian, ngày tháng. Kết thúc học phần sinh viên có kiến thức cơ bản về chữ viết và bảng chữ tiếng Nhật, có khả năng đọc, viết đúng các chữ Hiragana, Katakana. Hình thành kỹ năng chào hỏi, giới thiệu bản thân và giao tiếp đơn giản về nội dung gần gũi với cuộc sống thường nhật, gắn liền với chủ đề bài học.

21. Tiếng Nhật 2

Học phần gồm các bài học có kết cấu 5 phần: từ vựng, ngữ pháp và luyện tập ngữ pháp, hội thoại, nghe hiểu, đọc hiểu và một bài học chữ Kanji. Các bài học về các chủ đề: ngày tháng, thể thao, mua sắm, ăn uống và các chủ điểm ngữ pháp như cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.... Kết thúc học phần sinh

viên có kiến thức về động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ dùng với động từ chỉ phương hướng chuyển động, trạng từ chỉ mức độ, tần suất và vốn từ vựng về chủ đề bài học từ đó hình thành kỹ năng nói, nghe, đọc, viết theo chủ điểm ngữ pháp và chủ đề bài học

22. Tiếng Nhật 3

Học phần gồm các bài học có kết cấu 5 phần: từ vựng, ngữ pháp và luyện tập ngữ pháp, hội thoại, nghe hiểu, đọc hiểu và một bài học chữ Kanji. Các bài học về các chủ đề: ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, mức độ, số lượng và các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng như cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành. Kết thúc học phần sinh viên có kiến thức về động từ trong tiếng Nhật, cách biến đổi tính từ, danh từ ở thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, giới từ chỉ vị trí và áp dụng được kiến thức đã học rèn kỹ năng viết, nghe hiểu, hội thoại và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn sử dụng các chữ Kanji đơn giản có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật.

23. Tiếng Nhật 4

Học phần gồm các bài học có kết cấu 5 phần: từ vựng, ngữ pháp và luyện tập ngữ pháp, hội thoại, nghe hiểu, đọc hiểu và một bài học chữ Kanji. Các bài học về các chủ đề: gia đình, nghề nghiệp, sinh hoạt trong khu phố, đi lại, hỏi đường, nhà ga và các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng như liệt kê các hành động, giải thích nguyên nhân, lý do, kể lại các hoạt động đã thực hiện, hướng dẫn sử dụng các thiết bị, đồ dùng đơn giản. Kết thúc học phần sinh viên có kiến thức về động từ ở các thể -tai, -te kudasai, -te imasu, -temo idesu, -tewa ikemasen, các trợ từ dùng với danh từ, động từ, tính từ và áp dụng được kiến thức đã học rèn kỹ năng viết, nghe hiểu, hội thoại và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn sử dụng các chữ Kanji đơn giản có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật.

24. Tiếng Nhật 5

Học phần gồm các bài học có kết cấu 5 phần: từ vựng, ngữ pháp và luyện tập ngữ pháp, hội thoại, nghe hiểu, đọc hiểu và một bài học chữ Kanji. Các bài học về các chủ đề: cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí và các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng như liệt kê các hành động, giải thích nguyên nhân, lý do, kể lại các hoạt động đã thực hiện, hướng dẫn sử dụng các thiết bị, đồ dùng đơn giản. Kết thúc học phần sinh viên có kiến thức về danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể -ta và áp dụng được kiến thức đã học rèn kỹ năng viết, nghe hiểu, hội thoại và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn sử dụng các chữ Kanji đơn giản có nội dung gần gũi với cuộc sống thường nhật, gắn liền với chủ đề bài học.

25. Toán cao cấp 1

Học phần Toán cao cấp 1 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Đại số tuyến tính: Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính.
- Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, chuỗi và ứng dụng vào các bài toán trong kỹ thuật

26. Toán cao cấp 2

Học phần Toán cao cấp 2 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Nguyên hàm, tích phân xác định, tích phân suy rộng của hàm một biến; Các ứng dụng của tích phân xác định; Giới hạn kép, sự liên tục, đạo hàm, vi phân và cực trị của hàm nhiều biến; Tích phân kép, tích phân đường loại 1, tích phân đường loại 2; Phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2, hệ phương trình vi phân.

27. Vật lý ứng dụng A1

Nội dung học phần gồm các phần:

Động học chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các loại chuyển động cơ học đặc biệt như chuyển động thẳng đều, chuyển động thẳng biến đổi đều, chuyển động tròn đều, chuyển động tròn biến đổi đều.

Động lực học chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các định luật của Newton, các định lý động lượng, định luật bảo toàn cơ năng, giải bài toán động lực học bằng phương pháp động lực học và phương pháp năng lượng.

Động lực học hệ chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các dạng chuyển động của vật rắn, phương trình mô tả và các đại lượng vật lý đặc trưng cho vật rắn quay quanh trục cố định.

Dao động và sóng cơ học: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các loại dao động cơ học, sự lan truyền sóng cơ học.

Nhiệt động lực học: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các định luật thực nghiệm chất khí, phương trình trạng thái của khí lý tưởng, các nguyên lý và ứng dụng của các nguyên lý nhiệt động lực học. Làm rõ các quá trình sinh công, nhận công, nhận nhiệt, tỏa nhiệt trên từng chu trình, liên hệ các máy nhiệt trên thực tế.

Thí nghiệm vật lý ứng dụng: Thực hiện một số bài thí nghiệm vật lý thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện, quang.

28. Vật lý ứng dụng A2

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Điện từ trường: Điện trường tĩnh, từ trường tĩnh, điện từ trường biến thiên.
- Dao động và sóng điện từ.

Quang học: Tính chất sóng ánh sáng qua các hiện tượng: Giao thoa, nhiễu xạ ánh sáng

29. Tin học cơ bản 1

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows 7, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số

sự có liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu.

30. Tin học cơ bản 2

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

31. Xác suất và thống kê

Học phần Xác suất và thống kê đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Lý thuyết xác suất: Giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, công thức cộng nhân xác suất, công thức Becnulli, công thức xác suất đầy đủ Bayes, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều.

- Lý thuyết thống kê: Lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết.

32. Phương pháp tính

Học phần Phương pháp tính đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Lý thuyết sai số; phương pháp tìm nghiệm gần đúng của phương trình một ẩn; phương pháp giải gần đúng nghiệm của hệ phương trình tuyến tính; phép nội suy hàm và ứng dụng nó trong việc tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định; phương pháp giải gần đúng phương trình vi phân thường; các ứng dụng của nó trong thực tế và trong tính toán kỹ thuật.

33. Quy hoạch tuyến tính

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc thiết lập bài toán quy hoạch tuyến tính từ các vấn đề kinh tế, vận dụng phương pháp đơn hình, định lý đối ngẫu, phương pháp thế vị, phương pháp truy toán Belman vào giải các lớp bài toán quy hoạch tuyến tính riêng biệt với mục đích tìm phương án tối ưu.

34. Giáo dục thể chất 1

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về Giáo dục thể chất, vai trò, ý nghĩa của môn học Giáo dục thể chất đối với sinh viên. Tiêu chuẩn đánh giá thể lực cho sinh viên. Các giai đoạn của kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Phương pháp và nội dung tập luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn của kỹ thuật chạy ngắn

35. Giáo dục thể chất 2

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể thao. Bóng đá: kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân; bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay; bóng chuyền hơi: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay; bóng rổ: kỹ thuật tại chỗ ném rổ; cầu lông: kỹ thuật phát cầu thuận, trái tay. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của từng môn

36. Giáo dục thể chất 3

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn thể thao mà sinh viên đăng ký. Bóng đá: kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc sút cầu môn; bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng cao

tay, phát bóng; bóng chuyền hơi: kỹ thuật chuyền bóng cao tay, phát bóng; bóng rổ: kỹ thuật hai bước lên rổ; cầu lông: kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải, trái. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của từng môn

37. Giáo dục quốc phòng – An ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự

38. Kỹ năng mềm 1

Học phần kỹ năng mềm 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm và vai trò của kỹ năng giao tiếp đối với cá nhân, đối với đời sống xã hội; các nguyên tắc trong giao tiếp: tôn trọng đối tượng trong giao tiếp, nhạy bén, đồng cảm trong giao tiếp, thiện chí trong giao tiếp và tôn trọng các giá trị văn hóa khi giao tiếp với nhau; các kỹ năng giao tiếp hiệu quả: kỹ năng tạo thiện cảm, thấu hiểu tâm lý, kỹ năng lắng nghe và lắng nghe có hiệu quả, kỹ năng thuyết trình và các yêu cầu để thuyết trình thành công; các phương tiện giao tiếp cơ bản: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; Đồng thời học phần cũng cung cấp cho sinh viên các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường: giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường, ứng xử với anh chị khóa trên, ứng xử với bạn bè cùng trang lứa và các em khóa dưới, ứng xử với cảnh quan nhà trường, ứng xử với trang phục. Từ đó sinh viên biết vận dụng vào trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân và trong giao tiếp hàng ngày

Kỹ năng mềm 2

Học phần kỹ năng mềm 2 cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm; cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm: thường nể nang các mối quan hệ, không chịu đưa ra những ý kiến, thích thụ động, không để ý đến công việc của nhóm ngoài làm chuyện riêng, không dứt khoát, đùn đẩy trách nhiệm cho người khác. Từ đó, sinh viên biết vận dụng xây dựng và làm việc nhóm trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân

39. Kỹ năng mềm 3

Học phần Kỹ năng mềm 3 cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng thích ứng; thích ứng với môi trường sống; kỹ năng thích ứng trong học tập của sinh viên: khái niệm kỹ năng thích ứng trong học tập, sự cần thiết sinh viên phải thích ứng trong học tập, nội dung cần thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc và các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng: xác định tư tưởng, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống, giao lưu với

mọi người, luôn mỉm cười. Hình thành cho sinh viên khả năng thích ứng, qua đó vận dụng trong học tập và trong cuộc sống.

Kỹ năng mềm 4

Học phần Kỹ năng mềm 4 củng cố cho sinh viên những kiến thức về các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng như: các nguyên tắc trong giao tiếp, kỹ năng tạo thiện cảm, thấu hiểu tâm lý, kỹ năng lắng nghe có hiệu quả, các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường; quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; **kỹ năng thích ứng trong học tập và môi trường làm việc**. Sinh viên rèn luyện kỹ năng thông qua các hoạt động trong nhà trường và ở địa phương, nơi cư trú.

40. Kỹ năng mềm 5

Học phần Kỹ năng mềm 5 cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc và tổ chức sự kiện; các nguyên tắc, phương pháp lập kế hoạch. Tổ chức sự kiện, phân biệt các loại sự kiện và ý nghĩa tổ chức sự kiện; quy trình tổ chức sự kiện: hình thành chủ đề cho sự kiện, viết chương trình cho sự kiện, hoạch định công việc cần thiết, thực hiện kế hoạch có kèm kiểm soát, tổ chức sự kiện và theo dõi sự kiện, kết thúc sự kiện và họp rút kinh nghiệm; Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện

Kỹ năng mềm 6

Nội dung học phần Kỹ năng mềm 6 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp; tìm kiếm cơ hội việc làm; kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc: đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, phô tô bằng cấp, giấy chứng nhận sức khỏe, bảng điểm, hộ khẩu; phỏng vấn tuyển dụng: chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn; thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả các kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

41. Kỹ năng mềm 7

Học phần kỹ năng mềm 7 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm tư duy; đặc điểm của tư duy sáng tạo; những lợi ích của kỹ năng tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo: cần phải biết “cái đã biết”, tạo ra ý tưởng mới; phương pháp tư duy sáng tạo: tập kích não, thu thập ngẫu nhiên, nói rộng khái niệm, kích hoạt, sáu chiếc mũ tư duy; khái niệm kỹ năng tư duy phản biện; vai trò của tư duy phản biện; những đặc điểm của người tư duy phản biện: không có thành kiến, biết vận dụng các tiêu chuẩn, có khả năng tranh luận, có khả năng suy luận, xem xét vấn đề từ nhiều phương diện khác nhau, áp dụng các thủ thuật tư duy; rèn luyện tư duy phản biện: đặt câu hỏi nghi vấn, quan sát, tìm kiếm lý lẽ và lập luận, nhận thức và lý giải vấn đề, khẳng định giá trị cá nhân, khẳng định lại. Từ đó, hình thành cho sinh viên tư duy sáng tạo và tư duy phản biện, sinh viên có thể vận dụng trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Kỹ năng mềm 8

Học phần Kỹ năng mềm 8 củng cố cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc và tổ chức sự kiện: phương pháp lập kế hoạch, quy trình tổ chức sự kiện; kỹ năng tìm kiếm việc làm: tìm kiếm cơ hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng, chuẩn bị cho công việc mới; kỹ năng tư duy sáng tạo: quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo, các bước rèn luyện tư duy phân biện. Sinh viên rèn luyện kỹ năng thông qua các hoạt động trong nhà trường và ở địa phương, nơi cư trú

42. Toán rời rạc

Toán rời rạc là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức làm cơ sở để học tập các môn chuyên ngành, bao gồm: Các khái niệm cơ bản của logic và mệnh đề; Các bài toán đếm, bài toán tồn tại, bài toán liệt kê, tổ hợp; Lý thuyết đồ thị, các dạng đồ thị; Cây bao trùm ngắn nhất, cây nhị phân

43. Cơ sở dữ liệu

Cơ sở dữ liệu là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm cơ bản về hệ cơ sở dữ liệu; các mô hình cơ sở dữ liệu: tổng quan về mô hình cơ sở dữ liệu, con người trong hệ cơ sở dữ liệu, mô hình ER, mô hình quan hệ; ngôn ngữ giao tác cơ sở dữ liệu: Ngôn ngữ đại số quan hệ, Ngôn ngữ SQL ; lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ: Các nguyên tắc thiết kế lược đồ quan hệ, các phụ thuộc hàm, các dạng chuẩn dựa trên khóa chính, các thuật toán thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ và các dạng chuẩn cao hơn

44. Lập trình C

Lập trình C là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các phương pháp lập trình: Lập trình tuyến tính, lập trình cấu trúc, lập trình hàm, lập trình module và cách sử dụng con trỏ trong ngôn ngữ C. Thông qua học phần này giúp sinh viên tiếp cận các ngôn ngữ mới, công nghệ mới trong việc hiểu và phát triển các ứng dụng.

45. Nguyên lý hệ điều hành

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Những nguyên lý hoạt động chung nhất của các hệ điều hành, khái niệm, nguyên tắc quản lý tệp tin và đĩa, nguyên tắc quản lý bộ nhớ, nguyên tắc điều phối và quản lý tiến trình.

46. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

Cấu trúc dữ liệu và giải thuật là học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về cấu trúc dữ liệu và thuật toán; Biểu diễn, đánh giá, chiến lược thiết kế thuật toán; Các loại cấu trúc dữ liệu: Danh sách, Stack, Queue; Các thuật toán sắp xếp và tìm kiếm; Cây nhị phân, cây cân bằng hoàn toàn, cây AVL

47. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Cấu trúc dữ liệu và giải thuật là học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về cấu trúc dữ liệu và thuật toán; Biểu diễn, đánh giá, chiến lược thiết kế thuật toán; Các loại cấu trúc dữ liệu: Danh sách, Stack, Queue; Các thuật toán sắp xếp và tìm kiếm; Cây nhị phân, cây cân bằng hoàn toàn, cây AVL

48. Mạng máy tính

Học phần mạng máy tính trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về mạng máy tính, kiến trúc mạng, mô hình kết nối các hệ thống mở OSI, mạng internet, các giao thức TCP/IPv4, IPv6, các kỹ thuật mạng cục bộ và mạng diện rộng, mạng tốc độ cao và ứng dụng các công nghệ mới cũng như an toàn và quản lý mạng.

49. Lập trình Python

Học phần Lập trình Python giới thiệu về ngôn ngữ lập trình Python, trình soạn thảo, môi trường thông dịch và thực thi chương trình. Các kiến thức cơ bản về lập trình như biến, các cấu trúc và dữ liệu cơ bản, nhập xuất, bắt ngoại lệ, lập trình hướng đối tượng, tương tác với cơ sở dữ liệu. Ngoài lý thuyết, học phần còn giới thiệu các ví dụ minh họa ứng dụng Python trong lĩnh vực học máy, web, game, IoT.

50. Lập trình C++

Học phần giới thiệu các khái niệm, các nguyên lý cơ bản trong lập trình hướng đối tượng và so sánh với các kỹ thuật lập trình khác. Giới thiệu sâu về các kỹ thuật cơ bản trong lập trình hướng đối tượng như xây dựng lớp, kế thừa, đa hình, đóng gói. Trên cơ sở các kỹ thuật cơ bản của lập trình hướng đối tượng yêu cầu xây dựng một ứng dụng đáp ứng các tiêu chuẩn của lập trình hướng đối tượng bằng cách sử dụng ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng C++.

51. Quản trị cơ sở dữ liệu SQL server

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ thao tác dữ liệu, thủ tục lưu trữ, hàm và trigger, giao tác trong SQL server, quản trị và bảo mật cơ sở dữ liệu SQL server. Cung cấp cho sinh viên phương pháp tiếp cận, thiết kế và xây dựng các mô hình cơ sở dữ liệu để sử dụng cơ sở dữ liệu vào các ứng dụng thực tế qua các hệ thống mạng nội bộ và mạng diện rộng.

52. Thiết kế web

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thiết kế trang web sử dụng ngôn ngữ HTML, CSS. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản khi sử dụng công cụ Macromedia Dreamweaver để thiết kế trang web. Từ đó sinh viên có thể tiếp cận với các công cụ hỗ trợ thiết kế web khác

53. Phân tích và thiết kế hướng đối tượng

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phân tích thiết kế hướng đối tượng và ngôn ngữ mô hình hóa UML. Phân tích hệ thống: mô hình hóa yêu cầu hệ thống, mô hình hóa cấu trúc, mô hình hóa hành vi với các biểu đồ UML. Thiết kế hệ thống: thiết kế lớp, ca sử dụng, thiết kế gói và hệ thống con, mô hình hóa cài đặt hệ thống.

54. Bảo trì hệ thống

Học phần trang bị những khái niệm cơ bản về máy vi tính, quy trình lắp ráp vào bảo trì máy tính, các kiến thức cơ bản trong vấn đề xử lý các sự cố máy tính, giúp học sinh có thao tác logic và kinh nghiệm thực tế trong việc lắp ráp và cài đặt máy tính.

55. Ngôn ngữ Java

Học phần Ngôn ngữ Java gồm phương pháp lập trình cơ bản và theo hướng đối tượng bằng ngôn ngữ java, ứng dụng AWT và Swing tạo các ứng dụng giao diện, cách tạo và xử lý ngoại lệ, truy xuất dữ liệu sử dụng luồng byte và luồng ký tự, truy xuất dữ liệu thông qua cơ sở dữ liệu SQL server. Thông qua học phần rèn kỹ năng lập trình ứng dụng cơ bản và nâng cao bằng ngôn ngữ java, cách tiếp cận và triển khai ứng dụng vào thực tế cũng như tiếp cận các công nghệ khác sử dụng Java.

56. Trí tuệ nhân tạo

Học phần Trí tuệ nhân tạo gồm kiến thức về một số kỹ thuật và phương pháp quan trọng của trí tuệ nhân tạo như kỹ thuật tìm kiếm, phương pháp biểu diễn tri thức và suy diễn tự động, phương pháp học máy dùng cho nhận dạng và phân tích dữ liệu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Ngoài các khái niệm lý thuyết, học phần cũng đề cập tới việc ứng dụng các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo để giải quyết các bài toán thực tế.

57. Phát triển ứng dụng Web

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ php, mysql để lập trình trang web. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản khi sử dụng công cụ Macromedia Dreamweaver để lập trình web, từ đó sinh viên có thể tiếp cận với các công cụ hỗ trợ lập trình web khác.

58. Công nghệ phần mềm

Công nghệ phần mềm là học phần cung cấp cho sinh viên công nghệ thông tin các kiến thức cơ bản về: Nguyên tắc, phương pháp luận, quy trình và các kỹ thuật để xây dựng cũng như bảo trì các sản phẩm phần mềm làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận công việc khi xây dựng các sản phẩm phần mềm.

59. Đồ án kiến thức ngành

Đồ án kiến thức ngành là học phần rèn kỹ năng tổng hợp về lập trình các ứng dụng gắn với thực tế từ các bước lập kế hoạch, phân tích thiết kế hệ thống, lập trình ... cho đến bước hoàn thiện đóng gói sản phẩm. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích, thiết kế, lập trình và quản trị một dự án cụ thể.

60. SEO Master

Cung cấp cho sinh viên cách tiếp cận các kỹ thuật quảng cáo facebook, Zalo, Google Adword và kỹ thuật SEO Master.

61. Autocad

Autocad là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về ứng dụng phần mềm Autocad vào vẽ thiết kế bản vẽ kỹ thuật như: Giới thiệu về các tính năng của Autocad; làm việc với các tệp bản vẽ; làm việc với các lệnh vẽ, lớp, khối, text, các lệnh hiệu chỉnh bản vẽ, các lệnh ghi kích thước, tô vật liệu, các lệnh hỗ trợ và in ấn bản vẽ, vẽ trong không gian 3 chiều.

62. Lập trình game 3D

Học phần Lập trình game 3D trình bày quy trình phát triển game, các thành phần cơ bản của một game và thiết kế game cũng như các kiến thức cơ bản về các game engine, các

thành phần đồ họa trong game và phương pháp để lập trình một game, phát triển dự án game và triển khai trên môi trường WebGL, Android và iOS.

63. Lập trình C Sharp

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về lập trình cơ bản; các đặc tính hướng đối tượng thông qua xây dựng lớp, tính kế thừa và đa hình, cách thực thi giao diện, cơ chế ủy quyền và sự kiện, cách xử lý ngoại lệ và một số lớp cơ bản trong .NET, cách lập trình tương tác cơ sở dữ liệu và lập trình mô hình 3 lớp.

64. Kiến trúc phần mềm

Học phần giới thiệu các khái niệm và cơ sở lý thuyết của Kiến trúc phần mềm. Dựa trên đó, các khía cạnh của Kiến trúc phần mềm được giới thiệu ở cả góc độ lý thuyết, nền tảng và thực tiễn. Học phần cũng nêu các phương pháp xây dựng, viết tài liệu, đánh giá Kiến trúc phần mềm, tầm quan trọng của kiến trúc trong việc đảm bảo, đáp ứng được các yêu cầu phi chức năng của hệ thống. Trên cơ sở những ưu, nhược điểm của từng phương pháp sẽ giúp cho người thiết kế biết được những yêu cầu nào, tình huống nào thì nên chọn mẫu kiến trúc nào cho phù hợp. Kiến trúc phần mềm giúp việc quyết định ở mức cao trong thiết kế phần mềm dễ dàng hơn và cho phép tái sử dụng các thành phần và mẫu thiết kế của các dự án.

65. Phát triển ứng dụng di động

Học phần Phát triển ứng dụng di động cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiến trúc của hệ điều hành Android, môi trường phát triển ứng dụng cho thiết bị di động thời điểm hiện tại, cách thiết kế một ứng dụng di động hệ điều hành Android và thiết kế được các ứng dụng trên điện thoại di động thực tế yêu cầu. Thông qua học phần rèn kỹ năng lập trình ứng dụng hệ điều hành Android, cách tiếp cận và triển khai ứng dụng vào thực tế cũng như tiếp cận các công nghệ di động khác.

66. Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm

Học phần Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm cung cấp những kiến thức và kỹ thuật cơ bản giúp sinh viên nắm vững những khái niệm và vận dụng làm việc trong lĩnh vực kiểm thử phần mềm. Ngoài những kiến thức liên quan đến kỹ năng kiểm thử, sinh viên sẽ làm quen với một số công cụ hỗ trợ kiểm thử phần mềm. Thông qua học phần, sinh viên nắm rõ quy trình, các kỹ thuật kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm để vận dụng thực tế yêu cầu

67. Quản lý dự án phần mềm

Học phần giới thiệu các khái niệm và cơ sở lý thuyết của quản lý dự án phần mềm. Nội dung học phần lần lượt giới thiệu với người học đi từ tổng quan về quản lý dự án phần mềm và sự cần thiết của quản lý dự án; các bước cần thiết để lập kế hoạch dự án; các phương pháp ước lượng chi phí, thời gian nguồn lực cho dự án đến việc quản lý rủi ro và tổ chức đội ngũ thực hiện dự án, quản lý nhân lực.

68. Đồ án công nghệ phần mềm

Đồ án Công nghệ phần mềm là học phần rèn kỹ năng tổng hợp về lập trình phần mềm cho các ứng dụng thực tế từ các bước lập kế hoạch, phân tích thiết kế hệ thống, lập trình ... cho đến bước hoàn thiện đóng gói sản phẩm. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng lập trình phần mềm ứng dụng.

69. Hệ điều hành Linux

Học phần Hệ điều hành Linux gồm các nội dung khái lược về Hệ điều hành Linux, những nội dung cơ bản phần mềm tự do, phần mềm mã nguồn mở phổ biến, những lợi ích của việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở; mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở. Thông qua học phần hình thành các phương pháp, các cách tiếp cận, sử dụng và phát triển phần mềm mã nguồn mở, xác định thái độ và cách thức làm việc độc lập, tư duy, áp dụng các kỹ thuật để phân tích phương án và triển khai phát hiện xâm nhập và phòng thủ trong an ninh mạng. Rèn khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ mạng máy tính nói riêng và các công nghệ khác nói chung.

70. Phân tích và thiết kế mạng máy tính

Học phần Phân tích và thiết kế mạng máy tính gồm các nội dung khái lược về thiết kế mạng máy tính, những nội dung cơ bản trong hệ thống mạng máy tính vừa và nhỏ; kết nối giữa các thiết bị, cấu hình hoạt động theo yêu cầu, thiết kế hệ thống mạng ứng dụng trong thực tế. Thông qua học phần hình thành các phương pháp, các cách kết nối giữa các thiết bị, có kỹ năng cấu hình hoạt động theo yêu cầu, thiết kế hệ thống mạng ứng dụng trong thực tế, xác định thái độ và cách thức làm việc độc lập, tư duy, áp dụng các kỹ thuật để phân tích phương án và triển khai phát hiện xâm nhập và phòng thủ trong an ninh mạng. Rèn khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ mạng máy tính nói riêng và các công nghệ khác nói chung.

71. An toàn và an ninh mạng

Học phần An toàn và an ninh mạng gồm các nội dung khái lược về an toàn và thông tin dữ liệu, những nội dung cơ bản trong an ninh mạng; lỗ hổng bảo mật và các loại tấn công phổ biến; an ninh mạng mức giao vận; an ninh thư điện tử; an toàn và an ninh mạng máy tính; một số kỹ thuật phát hiện xâm nhập và phòng thủ trong an ninh mạng. Thông qua học phần giúp sinh viên ghi nhớ, phân loại, thực hiện cũng như đánh giá mức độ an toàn của hệ thống mạng

72. Lập trình mạng

Học phần Lập trình mạng trình bày chức năng các tầng trong mô hình phân tầng OSI, họ giao thức TCP/IP, các giao thức mạng và dịch vụ tên miền, các mô hình lập trình mạng; cách lập trình Socket theo mô hình Client – Server cho giao thức TCP và UDP; cách lập trình truyền thông web server, Mail Server, File Server, kiểm soát mạng và phân tích gói tin; lập trình phân tán đối tượng, webservices. Thông qua học phần rèn kỹ năng lập trình ứng trên cơ sở khai thác hạ tầng mạng và triển khai ứng dụng mạng vào thực tế.

73. Quản trị mạng

Học phần Quản trị mạng gồm các nội dung khái lược về mạng máy tính, những nội dung cơ bản trong hệ thống mạng máy tính; cách thiết lập và quản lý cấu hình các server, các hoạt động truy cập tài nguyên, tối ưu hiệu suất sử dụng hệ thống, quản lý sao lưu phục hồi; quản trị người dùng, dịch vụ và tài nguyên; quản trị mô hình fire wall; các cách quản trị mạng của hệ thống. Thông qua học phần hình thành các phương pháp, các cách thiết lập mạng, quản lý cấu hình các server, quản lý sao lưu và phục hồi dữ liệu, quản trị các dịch vụ tài nguyên hệ thống; quản trị mô hình fire wall, xác định thái độ và cách thức làm việc độc lập, tư duy, áp dụng các kỹ thuật để phân tích phương án và triển khai phát hiện xâm nhập và phòng thủ trong an ninh mạng. Rèn khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ mạng máy tính nói riêng và các công nghệ khác nói chung.

74. Đồ án mạng máy tính

Đồ án Mạng máy tính là học phần củng cố các kiến thức cơ bản và nâng cao về lập kế hoạch, thiết kế, quản trị hệ thống mạng vừa và nhỏ, thiết lập cấu hình và quản trị các Server. Nâng cao kiến thức về quản trị hệ thống mạng, quản trị các Server. Vận dụng thành thạo và rèn các kỹ năng quản trị hệ thống mạng máy tính từ các bước vẽ sơ đồ hệ thống, lập kế hoạch, thiết kế hệ thống cho đến việc quản trị hệ thống và quản trị các server.

75. Bảo mật thông tin

Cung cấp cho sinh viên phương pháp tiếp cận với hệ quản trị cơ sở dữ liệu lớn Oracle, thiết kế và quản trị được cơ sở dữ liệu của hệ thống có kết nối mạng cục bộ và mạng diện rộng; đồng thời nắm rõ cơ cấu làm việc của hệ thống khi truy xuất dữ liệu ra bên ngoài.

76. Oracle

Cung cấp cho sinh viên phương pháp tiếp cận với hệ quản trị cơ sở dữ liệu lớn Oracle, thiết kế và quản trị được cơ sở dữ liệu của hệ thống có kết nối mạng cục bộ và mạng diện rộng; đồng thời nắm rõ cơ cấu làm việc của hệ thống khi truy xuất dữ liệu ra bên ngoài.

77. Lập trình Web (ASP.NET)

Lập trình web (ASP.NET) là học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về NET FRAMWORK, các kỹ thuật sử dụng và lập trình với các đối tượng trên nền tảng .NET, các kỹ thuật lập trình website ASP.NET. Từ đó sinh viên có những hiểu biết về lập trình website ASP.NET, ứng dụng xây dựng và thiết kế website trong thực tế. Thông qua học phần rèn kỹ năng lập trình website cơ bản và nâng cao bằng ASP.NET trên NET FRAMWORK và Core, cách tiếp cận và triển khai ứng dụng vào thực tế cũng như tiếp cận các công nghệ khác trên Net.

78. Xử lý ảnh

Xử lý ảnh là học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về ảnh số, các loại ảnh, các kỹ thuật nâng cao chất lượng ảnh, phát hiện biên ảnh, phân vùng ảnh, trích chọn đặc trưng, phát hiện/nhận dạng đối tượng. Từ đó, người học có những hiểu biết cơ bản về các phần mềm xử lý ảnh, các ứng dụng xử lý ảnh trong thực tế, có thể xây dựng các ứng dụng xử lý ảnh bằng các ngôn ngữ lập trình như Matlab, Visual Studio C++, Visual Studio C#, Python.

79. Dữ liệu lớn – Big Data

Học phần Dữ liệu lớn – Big data giới thiệu tổng quan về khái niệm, đặc trưng cũng như những thách thức của Big data: Khả năng phân tích, dự đoán nhằm trích xuất một giá trị lớn hơn từ dữ liệu. Giới thiệu một số phương pháp và công cụ phổ biến để khai thác và quản lý Big data: Hadoop, MapReduce và Spark

80. Phát triển ứng dụng IoT

IoT (Internet of Things) được coi là cách mạng hóa cách con người dẫn dắt cuộc sống của họ bằng cách kết nối tất cả các thiết bị có thể sử dụng với một mạng chung – Internet. Một số thiết bị này bao gồm cảm biến, thiết bị gia dụng, thiết bị theo dõi sức khỏe và bất kỳ thiết bị nào tạo ra dữ liệu có thể định lượng được. Thành phố thông minh là ứng dụng phổ biến nhất của IoT và sử dụng tương tự cùng với các công nghệ khác như điện toán đám mây và dữ liệu lớn. Thành phố thông minh là một miền ứng dụng rộng lớn bao gồm các lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe, hậu cần, sản xuất và nông nghiệp, cùng với nhiều lĩnh vực khác. Học phần này giúp người học khám phá các khái niệm và ứng dụng liên quan đến Internet of Things

81. Điện toán đám mây

Học phần này trang bị cho sinh viên một số kiến thức tổng quát về điện toán đám mây, ảo hóa, kỹ năng hiện thực private cloud. Hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng triển khai dịch vụ điện toán đám mây, phát triển các ứng dụng điện toán đám mây, và cài đặt đám mây riêng.

82. Photoshop

Học phần Photoshop cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về xử lý hình ảnh đồ họa, từ đó sinh viên có thể vận dụng linh hoạt trong hoạt động nghề nghiệp.

83. Logic mờ

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: lý thuyết tập mờ, biến ngôn ngữ, các phép tính trên tập mờ, quan hệ mờ, đại số các tập mờ, mệnh đề mờ, lập luận xấp xỉ, lập luận ngôn ngữ và thao tác dữ liệu mờ, các ứng dụng thực tiễn.

84. Thị giác máy tính

Thị giác máy tính là một nhánh của trí tuệ nhân tạo, bao gồm lý thuyết và các kỹ thuật liên quan nhằm mục đích tạo ra một hệ thống nhân tạo có thể nhận thông tin từ các hình ảnh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về biểu diễn ảnh, các phép toán trên ảnh, các thuật toán xử lý trên ảnh, phân tích chuyển động. Từ đó xây dựng được những hệ thống có khả năng hiểu được ảnh.

85. Trải nghiệm thực tế doanh nghiệp

Thực tập sản xuất là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng lao động sản xuất thực tế ngoài doanh nghiệp, giúp sinh viên làm quen với thực tế lao động sản xuất ngoài doanh nghiệp.

86. Thực tập tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên vận dụng, củng cố kiến thức chuyên môn sát với thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tăng cường khả năng giao tiếp và cơ hội tìm kiếm việc làm.

87. Đồ án tốt nghiệp

Đồ án tốt nghiệp là học phần rèn kiến thức, kỹ năng tổng hợp về lĩnh vực công nghệ thông tin để nghiên cứu và làm thực tế các đề tài khoa học, tổng hợp các kiến thức, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giải quyết các vấn đề thực tế từ các bước lập kế hoạch, phân tích thiết kế hệ thống, lập trình, lắp đặt ... cho đến bước hoàn thiện đóng gói sản phẩm. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích, thiết kế, lập trình, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng và quản trị một dự án cụ thể.

11.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
1	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	Tiến sĩ, kinh tế quốc tế	Triết học Mác - Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
2	Nguyễn Thị Nhan	1987	Tiến sĩ, Chủ nghĩa xã hội khoa học	Triết học Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
1	Phùng Thị Lý	1982	Tiến sĩ, Chủ nghĩa xã hội khoa học	Triết học Mác - Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
2	Vũ Văn Đông	1982	Tiến sĩ, kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
3	Hà Đình Soát	1981	Thạc sĩ, Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất 1 Giáo dục thể chất 2 Giáo dục thể chất 3 Giáo dục quốc phòng và an ninh
4	Nguyễn Đức Thuấn	1989	Thạc sĩ, Khoa học	Giáo dục thể chất 1 ÷ 3 Giáo dục quốc phòng và an ninh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
			giáo dục	
5	Quán Thanh Tùng	1990	Cử nhân SPTDĐT	Giáo dục thể chất 1 ÷ 3 Giáo dục quốc phòng và an ninh
6	Vũ Tiến Hiếu	1986	Thạc sỹ, QLTDĐT	Giáo dục thể chất 1 ÷ 3 Giáo dục quốc phòng và an ninh
7	Phạm Anh Dũng	1981	Thạc sỹ, SPTDĐT	Giáo dục thể chất 1 ÷ 3 Giáo dục quốc phòng và an ninh
8	Vũ Văn Chương	1973	Cử nhân	Giáo dục quốc phòng và an ninh
9	Phạm Xuân Đức	1980	Thạc sỹ, Triết học	Triết học Mác - Lênin Tư tưởng Hồ Chí Minh Kinh tế chính trị Mác - Lênin Pháp luật đại cương Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
10	Nguyễn Thị Hiền	1985	Thạc sỹ, Triết học	Triết học Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Pháp luật đại cương Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
11	Trần Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sỹ, Triết học	Triết học Mác - Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
12	Phạm Văn Dự	1984	Tiến sĩ, Triết học	Triết học Mác - Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
13	Nguyễn Thị Kim Nguyên	1974	Thạc sỹ, Kinh tế	Tư tưởng Hồ Chí Minh
14	Phạm Thị Mai	1982	Thạc sỹ, Luật học	Pháp luật đại cương Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
15	Nguyễn Mạnh Tường	1977	Thạc sỹ, Quản trị kinh doanh	Tư tưởng Hồ Chí Minh Kinh tế chính trị Mác - Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Pháp luật đại cương Kỹ năng mềm 1 ÷ 8 Pháp luật đại cương

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
16	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	Thạc sỹ, Lịch sử	Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
17	Đỗ Thị Thuỳ	1985	Thạc sỹ, Triết học	Triết học Mác - Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Pháp luật đại cương Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
18	Nguyễn Thị Tình	1987	Thạc sỹ, Lịch sử	Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
19	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sỹ, Lịch sử	Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Kỹ năng mềm 1 ÷ 8
20	Nguyễn Việt Tuấn	1983	Tiến sĩ, Toán học	Toán cao cấp 1 ÷ 2 Xác suất và thống kê Phương pháp tính
21	Nguyễn Thị Huệ		Thạc sỹ	Toán cao cấp 1 ÷ 2 Xác suất và thống kê Phương pháp tính
22	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1980	Thạc sỹ, Toán học	Toán cao cấp 1 ÷ 2 Xác suất và thống kê Phương pháp tính
23	Nguyễn Thị Hồng	1986	Thạc sỹ, Toán học	Toán cao cấp 1 ÷ 2 Xác suất và thống kê Phương pháp tính
24	Nguyễn Kiều Hiên	1986	Thạc sỹ, Toán học	Toán cao cấp 1 ÷ 2 Xác suất và thống kê Phương pháp tính
25	Nguyễn Ngọc Tú	1985	Thạc sỹ, Vật lý chất rắn	Vật lý ứng dụng A1 Vật lý ứng dụng A2
26	Mạc Thị Lê	1984	Thạc sỹ, Vật lý chất rắn	Vật lý ứng dụng A1 Vật lý ứng dụng A2
27	Vũ Thị Lương	1978	Thạc sỹ, Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 ÷ 4 Phương pháp nghiên cứu khoa học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				Khởi nghiệp kinh doanh
28	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	Thạc sỹ, Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 ÷ 4
29	Trịnh Thị Chuyên	1981	Thạc sỹ, Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 ÷ 4 Tiếng Anh chuyên ngành CNTT
30	Trần Hoàng Yến	1982	Thạc sỹ, Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 ÷ 4
31	Tăng Thị Hồng Minh	1985	Thạc sỹ, Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 ÷ 4 Tiếng Anh chuyên ngành CNTT
32	Trần Thị Mai Hương	1985	Thạc sỹ, Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 ÷ 4
33	Phạm Thị Huyền Trang	1988	Thạc sỹ, Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 ÷ 4
34	Nguyễn Thị Hoa	1981	Thạc sỹ, Tiếng Trung	Tiếng Trung 1 ÷ 5
35	Nguyễn Thị Lan	1980	Thạc sỹ, Tiếng Trung	Tiếng Trung 1 ÷ 5
36	Bùi Thị Trang	1987	Thạc sỹ, Tiếng Trung	Tiếng Trung 1 ÷ 5
37	Nguyễn Thị Xuyên	1989	Thạc sỹ, Tiếng Trung	Tiếng Trung 1 ÷ 5
38	Đặng Thị Thanh	1979	Thạc sỹ, Tiếng Anh, tiếng Nhật	Tiếng Trung 1 ÷ 5
39	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1988	Thạc sỹ, Quản trị kinh doanh	Phương pháp nghiên cứu khoa học
40	Trần Thị Hằng	1988	Thạc sỹ, Quản trị kinh doanh	Phương pháp nghiên cứu khoa học Khởi nghiệp kinh doanh
41	Nguyễn Thị Thủy	1986	Thạc sỹ, Quản trị kinh doanh	Khởi nghiệp kinh doanh
42	Nguyễn Thị Huế	1985	Thạc sỹ,	Khởi nghiệp kinh doanh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
			Quản trị kinh doanh	
43	Hoàng Thị An	1987	Thạc sỹ, Khoa học máy tính	Tin học cơ bản 1 ÷ 2 Lập trình Python Lập trình C++ Ngôn ngữ Java Trí tuệ nhân tạo Đồ án kiến thức ngành Lập trình C Sharp Đồ án công nghệ phần mềm Lập trình mạng Xử lý ảnh Phát triển ứng dụng IoT Thị giác máy tính Đồ án tốt nghiệp
44	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	Thạc sỹ, Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1 ÷ 2 Toán rời rạc Lập trình C Nguyên lý hệ điều hành Thiết kế web Phân tích và thiết kế hướng đối tượng Phát triển ứng dụng web SEO Master Bảo mật thông tin Logic mờ Đồ án tốt nghiệp
45	Nguyễn Phúc Hậu	1982	Thạc sỹ, Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học cơ bản 1 ÷ 2 Hệ điều hành Linux Phân tích và thiết kế mạng máy tính An toàn và an ninh mạng Quản trị mạng Điện toán đám mây Đồ án tốt nghiệp
46	Nguyễn Thị Ánh	1981	Thạc sỹ, Hệ	Tin học cơ bản 1 ÷ 2

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
	Tuyết		thông tin	Toán rời rạc Cơ sở dữ liệu Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Mạng máy tính Quản trị cơ sở dữ liệu SQL server Oracle Dữ liệu lớn – Big data Photoshop Đồ án tốt nghiệp
47	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	Thạc sỹ, Công nghệ thông tin	Truyền thông giao tiếp Tin học cơ bản 1 ÷ 2 Lập trình C Cấu trúc dữ liệu và giải thuật SEO Master Kiến trúc phần mềm Đồ án tốt nghiệp
48	Phạm Thị Hường	1981	Thạc sỹ, Công nghệ phần mềm	Lập trình Python Lập trình C++ Ngôn ngữ Java Trí tuệ nhân tạo Công nghệ phần mềm Đồ án kiến thức ngành Lập trình game 3D Lập trình C Sharp Phát triển ứng dụng di động Kiểm thử và đảm bảo CL phần mềm Quản lý dự án phần mềm Đồ án công nghệ phần mềm Lập trình mạng Đồ án mạng máy tính Bảo mật thông tin Đồ án tốt nghiệp
49	Phạm Văn Kiên	1979	Thạc sỹ,	Thiết kế web

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
			Giáo dục nghề nghiệp	Phát triển ứng dụng web Đồ án kiến thức ngành Đồ án công nghệ phần mềm Đồ án mạng máy tính Lập trình web (ASP.Net) Phát triển ứng dụng IoT Photoshop Trải nghiệm thực tế doanh nghiệp Thực tập tốt nghiệp Đồ án tốt nghiệp
50	Vũ Bảo Tạo	1979	Thạc sỹ, Công nghệ phần mềm	Lập trình C Nguyên lý hệ điều hành Mạng máy tính Lập trình C++ Bảo trì hệ thống Công nghệ phần mềm Đồ án kiến thức ngành Kiến trúc phần mềm Quản lý dự án phần mềm Hệ điều hành Linux Phân tích và thiết kế mạng máy tính Đồ án mạng máy tính Trải nghiệm thực tế doanh nghiệp Thực tập tốt nghiệp Đồ án tốt nghiệp
51	Hoàng Thị Ngát	1985	Thạc sỹ, Khoa học máy tính	Tin học cơ bản 1 ÷ 2 Toán rời rạc Cơ sở dữ liệu Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Autocad Xử lý ảnh Logic mờ Đồ án tốt nghiệp

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
52	Phạm Thị Tâm	1987	Thạc sĩ, Khoa học máy tính	Tin học cơ bản 1 ÷ 2
53	Nguyễn Thị Thanh Bình	1974	Thạc sĩ, Khoa học máy tính	Tin học cơ bản 1 ÷ 2 Toán rời rạc Cơ sở dữ liệu Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành máy tính	5	Máy vi tính Mạng LAN, internet
2	Phòng thực hành mạng máy tính	1	Máy chủ HP ProLaint ML10 Server Máy trạm HP Compaq Elite 8300 Máy chủ cơ sở dữ liệu (X 3650 M4) Thiết bị router Thiết bị Switch Layer 2 Cisco Catalyst 2960-X Switch Thiết bị Switch Layer 2 Cisco Catalyst 3750-X Switch Converter 1Gbps Thiết bị Access point wifi Ruijie RG-AP720-L Router Mikrotik RB750 GR3 Thiết bị Switch Gigabit Tủ mạng ComRack 27U

13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 615m² với 300 chỗ đọc và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Các phòng chức năng được bố trí khoa học, thuận tiện cho lưu giữ và tìm kiếm tài liệu. Các phòng chức năng của Thư viện đều phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của giảng viên và sinh viên. Phòng đọc - tra cứu tài liệu với không gian yên tĩnh, bố trí đủ chỗ ngồi và được trang bị điều

hòa không khí, quạt mát. Phòng dữ liệu số được bố trí 20 máy tính với phần mềm Libol. Thư viện số của Nhà trường có nguồn học liệu phong phú, được liên kết với thư viện của một số trường đại học trong nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Ngoài ra, tại trung tâm thực hành, thực nghiệm có bố trí nơi lưu trữ các nguồn học liệu chuyên ngành và không gian đọc, nghiên cứu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH của giảng viên, sinh viên.

13.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I.	Giáo trình nội bộ			
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
3	Giáo trình Kinh tế chính trị	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
4	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
5	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
6	Giáo trình Pháp luật đại cương	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
7	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
8	Giáo trình Truyền thông giao tiếp	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
9	Giáo trình Khởi nghiệp kinh doanh	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
10	Giáo trình Toán cao cấp 1	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
11	Giáo trình Toán cao cấp 2	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
12	Giáo trình Vật lý ứng dụng A1	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
13	Giáo trình Vật lý ứng dụng A2	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
14	Giáo trình Thí nghiệm Vật lý ứng dụng	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
15	Giáo trình Tin học cơ bản 1	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
16	Giáo trình Tin học cơ bản 2	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
17	Giáo trình Xác suất và thống kê	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
18	Giáo trình Phương pháp tính	Trường ĐH Sao Đỏ		2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
19	Giáo trình Quy hoạch tuyến tính	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
20	Giáo trình Kỹ năng mềm	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
21	Giáo trình Toán rời rạc	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
22	Giáo trình Cơ sở dữ liệu	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
23	Giáo trình Lập trình C	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
24	Giáo trình Nguyên lý hệ điều hành	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
25	Giáo trình Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
26	Giáo trình Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
27	Giáo trình Mạng máy tính	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
28	Giáo trình Lập trình Python	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
29	Giáo trình Lập trình C++	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
30	Giáo trình Quản trị cơ sở dữ liệu SQL server	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
31	Giáo trình Thiết kế Web	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
32	Giáo trình Phân tích thiết kế hướng đối tượng	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
33	Giáo trình Bảo trì hệ thống	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
34	Giáo trình Ngôn ngữ Java	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
35	Giáo trình Trí tuệ nhân tạo	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
36	Giáo trình Phát triển ứng dụng web	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
37	Giáo trình Công nghệ phần mềm	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
38	Giáo trình SEO Master	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
39	Giáo trình Autocad	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
40	Giáo trình Lập trình Game 3D	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
41	Giáo trình Lập trình C Sharp	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
42	Giáo trình Kiến trúc phần mềm	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
43	Giáo trình Phát triển ứng dụng di động	Trường ĐH Sao Đỏ		2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
44	Giáo trình Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
45	Giáo trình Quản lý dự án phần mềm	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
46	Giáo trình Hệ điều hành Linux	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
47	Giáo trình Phân tích và thiết kế mạng máy tính	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
48	Giáo trình An toàn và an ninh mạng	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
49	Giáo trình Lập trình mạng	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
50	Giáo trình Quản trị mạng	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
51	Giáo trình Bảo mật thông tin	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
52	Giáo trình Oracle	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
53	Giáo trình Lập trình Web (ASP.Net)	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
54	Giáo trình Xử lý ảnh	Trường ĐH Sao Đỏ		2019
55	Giáo trình Dữ liệu lớn – Big data	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
56	Giáo trình Phát triển ứng dụng IoT	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
57	Giáo trình Điện toán đám mây	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
58	Giáo trình Photoshop	Trường ĐH Sao Đỏ		2018
59	Giáo trình Logic mờ	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
60	Giáo trình Thị giác máy tính	Trường ĐH Sao Đỏ		2020
II.	Giáo trình, tài liệu tham khảo			
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2006
2	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Viết Thông	Bộ GD&ĐT	2010
3	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2010
4	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2003

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		quốc gia các bộ môn Khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh		
5	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016
6	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016
7	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2006
8	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
9	C. Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, Tập 25	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	1999
10	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2008
11	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
12	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008
13	Văn kiện Đại hội Đảng XI		NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2011
14	Văn kiện Đại hội Đảng XII		NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016
15	Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật	Nguyễn Văn Động	NXB Giáo dục	2009
16	Hiến pháp nước CHXHCNVN		NXB CTQG - Sự thật	2017
17	Bộ Luật hình sự của nước CHXHCNVN		NXB Thống Kê	2008
18	Giáo trình Luật dân sự		NXB Thống Kê	2009

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
19	Luật phòng chống tham nhũng hiện hành		NXB CTQG	2020
20	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB Giáo dục	2009
21	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh,	Nguyễn Văn Thắng	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2019
22	Những bí quyết giao tiếp tốt	Larry King	NXB Trẻ	2003
23	Giáo trình Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2020
24	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đình Việt Hòa	NXB ĐHQG Hà Nội	2012
25	Real life – Elementary – Students’ book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	
26	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	
27	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.	
28	Very Easy TOEIC, second edition	Anne Taylor Garrett Byrne	Compass Publishing	2007
29	Taking the TOEIC Skills and Strategies,	Peggy Anderson, Mary Katherine Chadwick, Wendi Shin	Compass Publishing	2007
30	汉语会话 301 句,	Trần Thị Thanh Liêm	NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh	2009
31	Giáo trình HSK 1	Khuong Lệ Bình	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2018
32	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
33	Giáo trình HSK 1 – Sách bài tập	Khuong Lệ Bình	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2018
34	Giáo trình HSK 2	Khuong Lệ Bình	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2020

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
35	Giáo trình HSK 2 – Sách bài tập	Khuong Lệ Bình	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2020
36	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển hạ)	Dương Ký Châu	NXB ĐHQG Hà Nội	2014
37	Giáo trình Hán ngữ (tập 3, quyển thượng)	Dương Ký Châu	NXB ĐHQG Hà Nội	2019
38	Giáo trình HSK 3	Khuong Lệ Bình	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2019
39	Giáo trình Hán ngữ (tập 3, quyển thượng)	Dương Ký Châu	NXB ĐHQG Hà Nội	2019
40	Tập viết tiếng Nhật thông dụng	Nihongo no Kakikata no hon	NXB ĐHQG Hà Nội	2017
41	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật	Mina No Nihongo	NXB Trẻ	2019
42	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt	Mina No Nihongo	NXB Trẻ	2019
43	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm	Mina No Nihongo	NXB Trẻ	2019
44	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự (Bản tiếng Việt)	Mina No Nihongo	NXB Trẻ	2019
45	Toán cao cấp tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
46	Toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
47	Toán cao cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2020
48	Cơ sở vật lý tập 1	David Haliday	NXB Giáo dục	2016
49	Cơ sở vật lý tập 2	David Haliday	NXB Giáo dục	2016

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
50	Cơ sở vật lý tập 4	David Haliday	NXB Giáo dục	2016
51	Cơ sở vật lý tập 5	David Haliday	NXB Giáo dục	2016
52	Cơ sở vật lý tập 6	David Haliday	NXB Giáo dục	2016
53	Vật lý đại cương tập 1	Lương Duyên Bình	NXB Giáo dục	2020
54	Giáo trình Tin học đại cương	Bùi Thế Tâm	NXB Giao Thông Vận Tải	2007
55	Giáo trình Thực hành Excel	Phạm Quang Hiến	NXB Thanh niên	2017
56	Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office	Phạm Quang Huy	NXB Thanh niên	2020
57	Lý thuyết xác suất & Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Ngô Văn Thứ và Trần Thái Ninh	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân	2018
58	Xác suất nâng cao	Đặng Hùng Thắng	NXB ĐHQG Hà Nội	2013
59	Giáo trình phương pháp tính và Matlab	Lê Trọng Vinh, Trần Minh Toàn	NXB Đại học Bách Khoa	2019
60	Giáo trình phương pháp tối ưu trong kinh doanh	TS. Trần Việt Lâm	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2010
61	Toán kinh tế	PGS Bùi Minh Trí	NXB Bách Khoa Hà Nội	2008
62	Giáo trình Điền kinh	Phạm Khắc Học	NXB TDTT	2004
63	Luật thi đấu Điền kinh	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội.	2018
64	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng và Đàm Chính Thống	NXB TDTT	2006
65	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2018
66	Giáo trình bóng đá	Đại học Đà Lạt		2011
67	Luật bóng rổ	Tổng cục TDTT	Trường Đại học sư phạm Tp. HCM.	2013

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
68	Giáo trình cầu lông	Nguyễn Văn Hồng và Trần Việt Dũng	NXB TĐTT	2008
69	Lý luận và phương pháp TĐTT	Nguyễn Toán, TS Phạm Danh Tồn	NXB TĐTT	2006
70	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển	Tổng cục TĐTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2013
71	Giáo trình giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 1)	Đào Huy Hiệp và các tác giả	NXB Giáo dục	2013
72	Giáo trình giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 2)	Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hào, Phan	NXB Giáo dục	2013
73	Giáo trình một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia.	Tân Hưng, Nguyễn Đình Lưu, Nguyễn Thanh Nghị, Nguyễn Văn Quý, Lê Đình Thi	NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội	2007
74	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
75	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	2009
76	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường	Khuyên Trần	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2016
77	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân dịch	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	2020
78	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt với chính mình	Vũ Minh Tân dịch	NXB Khoa học xã hội	2016
79	55 nguyên tắc ứng xử thiết yếu	Ron Clark	NXB Tổng hợp	2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	đề thành công		Tp. Hồ Chí Minh	
80	Thuật hùng biện làm thế nào để tự tin diễn thuyết trong mọi tình huống	Brian Tracy	NXB Thế giới	2019
81	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	NXB Thanh niên.	2010
82	Cẩm nang việc làm bí quyết tìm việc thành công trong bối cảnh hội nhập	Tiêu Yến Trinh, Nguyễn Thị An Hà, Nguyễn Thị Quỳnh Phương	NXB Thanh niên.	2016
83	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Sean Covey		2020
84	Những người thành công tin tưởng vào điều gì	Thanh Tuyền dịch	NXB Lao Động – Xã hội	2018
85	Bản đồ tư duy trong giải quyết vấn đề	Nguyễn Thị Khánh Chương	NXB Dân trí, Hà Nội	2018
86	Toán rời rạc ứng dụng trong tin học	Đỗ Đức Giáo	NXB Giáo dục	2008
87	Giáo trình Toán rời rạc	Hoàng Nhật Quy	NXB Thông tin và truyền thông	2010
88	Hướng dẫn giải bài tập Toán rời rạc	Đỗ Đức Giáo	NXB Giáo dục	2009
89	Đồ thị và các thuật toán	Hoàng Chí Thành	NXB Giáo dục	2007
90	Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu	Nguyễn Kim Anh	NXB ĐHQG Hà Nội	2010
91	Cơ sở dữ liệu quan hệ và Công nghệ phân tích - Thiết kế	Lê Tiên Phùng	NXB Thông tin và truyền thông	2010
92	Cơ sở dữ liệu phân tán	Phạm Thế Quế	Ebook	2009
93	Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ	Lê Tiên Vương	NXB Thống kê	2000
94	Giáo trình kỹ thuật lập trình C căn bản và nâng cao	Phạm Văn Át	NXB Thông tin & Truyền thông	2019
95	Giáo trình Nguyên lý hệ điều hành	Hà Quang Thụy	NXB KH&KT	2009

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
96	Giáo trình Nguyên lý Hệ điều hành	Hồ Đắc Phương	NXB Giáo dục	2010
97	Bài giảng Hệ điều hành	TS. Phạm Đăng Hải	Trường Đại học Bách khoa HN.	2019
98	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Nguyễn Văn Ba	NXB ĐHQG Hà Nội	2010
99	Phân tích và thiết kế tin học hệ thống quản lý, kinh doanh, nghiệp vụ	Trung tâm tư vấn xuất bản	NXB Giao thông vận tải	2000
100	Kỹ Thuật Phân Tích Và Thiết Kế Hệ Thống Thông Tin Hướng Cấu Trúc	TS. Lê Văn Phùng	NXB Thông tin và Truyền thông	2017
101	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
102	Cấu trúc dữ liệu, phân tích thuật toán và phát triển phần mềm	Hồ Thuận, Hồ Cẩm Hà, Trần Thiên Thành	NXB Giáo dục	2008
103	Giáo trình Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	PGS.TS. Hàn Viết Thuận, ThS. Nguyễn Anh Phương	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân	2018
104	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	PGS.TS. Hoàng Nghĩa Tý	NXB Xây dựng	2020
105	CCNA tập 1- 2- 3	Nguyễn Hồng Sơn	NXB Lao Động – Xã hội	2009
106	Giáo trình Nhập môn Mạng máy tính	Hồ Đắc Phương	NXB Giáo Dục	2009
107	Python Cookbook	David Beazley, Brian K. Jones	O'Reilly Media 3rd ed (ebook)	2013
108	Python GUI Programming Cookbook 2nd.	Burkhard A. Meier	Ebook	2017
109	Machine Learning cơ bản	Vũ Hữu Tiệp	Ebook	2020
110	Making Games with Python & Pygame	AI Sweigart	Ebook	2012

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
111	Lập trình hướng đối tượng với C++	Lê Đăng Hưng, Tạ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Đức và Nguyễn Thanh Thủy	NXB KHKT	2009
112	Giáo Trình C++ và lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Át và Lê Trường Thông	NXB Bách Khoa Hà Nội	2017
113	Beginning C++ Programming	Richard Grimes	Packt Publishing (ebook)	2017
114	SQL 2	Nguyễn Văn Vy	NXB Thống kê	
115	Microsoft SQL Server 2008	Phạm Hữu Khang, Phương Lan	NXB Lao Động – Xã hội	2010
116	Introducing Microsoft SQL Server 2019	Kellyn Gorman, Allan Hirt, Dave Noderer, James Rowland-Jones, Arun Sirpal, Dustin Ryan, and Buck Woody	Packt Publishing	2019
117	Seo Master - Bí quyết đưa Website lên trang 1 google	Nguyễn Trọng Thơ	NXB Lao động	2020
118	https://www.w3schools.com			
119	Phát triển hệ thống hướng đối tượng với UML 2.0 và C++	Nguyễn Văn Ba	NXB ĐHQG Hà Nội	2008
120	Phân tích thiết kế hướng đối tượng bằng UML	Đặng Văn Đức	NXB Giáo dục	2002
121	Giáo trình Lắp ráp và cài đặt máy tính	Tổng cục dạy nghề	Bộ lao động thương binh xã hội	2013
122	Giáo trình Lắp ráp và cài đặt máy tính	Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh		2013
123	Lập trình hướng đối tượng với Java	Đoàn Văn Ban	NXB KHKT	2005

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
124	Introduction to Programming Using Java	David J. Eck	Seventh Edition	2014
125	Tài liệu lập trình Java Spring MVC	Đại học FPT	Ebook	
126	Machine Learning cơ bản	Vũ Hữu Tiệp	Ebook	2018
127	Deep Learning cơ bản	Nguyễn Thanh Tuấn	Ebook	2020
128	Deep Learning cơ bản cuộc cách mạng học sâu	Huỳnh Hữu (dịch)	NXB Công thương	2019
129	Elements of AI	Reaktor Education & The University of Helsinki	Course online	2018
130	Lập trình cơ bản PHP và MYSQL	Joel Murach Ray Harris	NXB Bách Khoa	2019
131	Lập trình nâng cao PHP và MYSQL	Joel Murach Ray Harris	NXB Bách Khoa	2019
132	Giáo trình Kỹ nghệ phần mềm	Nguyễn Văn Vy, Nguyễn Việt Hà	NXB Giáo Dục	2009
133	Nhập môn Công nghệ phần mềm	Nguyễn Thị Mỹ Truyền	Trường Đại học An Giang	2017
134	Cơ sở Công nghệ phần mềm	Lương Mạnh Bá, Lương Thị Thanh Bình, Cao Tuấn Dũng, Nguyễn Thi Thu Trang, Lê Đức Trung	NXB KHKT	2018
135	Kỹ nghệ phần mềm nâng cao	Lê Văn Phùng, Lê Hương Giang	NXB Thông tin và truyền thông	2015
136	Quảng cáo FaceBook		Ebook	
137	Quảng cáo Zalo		Ebook	
138	Google Adword căn bản,		Ebook	
139	Giáo trình Lý thuyết và thực hành vẽ trên máy tính Autocad 2011	Nguyễn Lê Châu Thành	NXB Thông tin và Truyền thông	2011

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
140	Autocad 2009 nhìn từ góc độ 2D & 3D	Trương Quốc Dũng	NXB Hồng Đức	2008
141	Hướng dẫn thực hành Autocad 2006 vẽ các vật thể 3 chiều	Đức Bình	NXB Thống kê	2005
142	Autocad cơ bản cho người mới bắt đầu	Nguyễn Hoàn	NXB Xây dựng	2019
143	Unity for Absolute Beginners	Sue Blackman	Ebook	2014
144	Learning C# Programming with Unity 3D	Alex Okita	Ebook	2017
145	Lập trình với C# xây dựng ứng dụng	Phạm Phương Hoa	NXB Thanh Niên	2017
146	Lập trình C#: Từ cơ bản đến nâng cao	Phạm Công Ngô	NXB Giáo Dục	2007
147	Microsoft Visual C# Step by step	John Sharp	Ebook	2015
148	Windows Forms Programming with C#	Erik Brown	Ebook	2002
149	3-tier Architecture	Hans-Petter Halvorsen, M.Sc	Ebook	2013
150	Learning mongodb-csharp	Stack Overflow	Ebook	2016
151	Windows Forms Using C# Rev.4.0. Student Guide	Robert J. Oberg & Dana Wyatt	Ebook	2011
152	Tích hợp ATAM-CBAM trong đánh giá kiến trúc phần mềm và áp dụng cho dự án Vanco - Netdirect	Nguyễn Minh Quý	Công ty phần mềm Fsoft	2008
153	Kiến trúc cho hệ thống dùng nhiều phần mềm	Ngô Trung Việt	Bản dịch	2008
154	Lập trình thiết bị di động trên Android		ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh	2015
155	Lập trình Android cơ bản	Bản dịch từ developer.android.com	Đại học FPT	2014

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
156	Firestore tutorialspoint	Pvt. Ltd	Tutorials Point I	2017
157	Phát triển ứng dụng di động cơ bản	Lê Hoàn Sử	NXB ĐHQG TP. HCM	2017
158	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	Lê Hoàn Sử	NXB ĐHQG TP. HCM	2017
159	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	Thạc Bình Cường, Nguyễn Đức Mận	NXB Bách khoa Hà Nội	
160	Giáo trình kiểm thử phần mềm	Phạm Ngọc Hùng, Trương Anh Hoàng, Đặng Văn Hưng	ĐHQG Hà Nội	2014
161	Đảm bảo chất lượng phần mềm	Phan Thị Hoài Phương	Ebook	2010
162	Quản lý dự án phần mềm trong thực tiễn	Nguyễn Công Danh, Trần Cao Đệ	Đại học Cần Thơ	2013
163	Quản trị dự án	Nguyễn Thanh Liêm	NXB Tài Chính	2009
164	Giáo trình quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB ĐH kinh tế Quốc dân	2008
165	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Đại học công nghệ thông tin thành phố Hồ Chí Minh,	Ebook	2010
166	Bài giảng quản lý dự án công nghệ thông tin	Phạm Thảo	NXB Kinh tế quốc dân	2019
167	Hệ điều hành Unix – Linux	Hà Quang Thụy, Nguyễn Trí Thành	Trường Đại học công nghệ - ĐHQG Hà Nội	2004
168	Giáo trình Hệ điều hành Linux	Nguyễn Việt Hùng, Trần Quang Bình	Đại học Tôn Đức Thắng	2011
169	Các bài thực hành Linux	Nguyễn Tấn Khôi	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	2004
170	Thực hành Linux	Lê Thị Thúy Nga, Trần Minh Tuấn	Đại học Thăng Long	2005
171	Quản trị hệ thống Linux	Nguyễn Thanh Thủy	NXB KHKT	2005

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
172	Thiết kế và xây dựng mạng LAN và WAN	Viện Công nghệ thông tin - Trung tâm khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia	Ebook	2004
173	Thiết kế và cài đặt mạng	Ngô Bá Hùng	Đại học Cần Thơ	2005
174	Thiết kế, xây dựng mạng	Trường Cao đẳng công nghệ và Nông lâm Nam bộ	Ebook	2018
175	Bóng ma trên mạng	Bản dịch	NXB Công thương	2018
176	Giáo trình Lập trình Socket và UDP, TCP	Trường Đại học sư phạm kỹ thuật	Ebook	2011
177	Giáo trình Lập trình mạng với C#	Trần Bá Nhiệm	Ebook	2011
178	Giáo trình lập trình mạng	Hồ Viết Hà	Ebook	2013
179	Giáo trình lập trình mạng	Hà Mạnh Đào	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	2010
180	Network programming in .NET with C# and VB.NET	Fiach Reid	Ebook	2004
181	Giáo trình Quản trị mạng Windows Server 2003	Tô Thanh Hải	NXB Phương Đông	2008
182	Quản trị hệ thống mạng Windows Server 2012	Trung tâm Bách Khoa Aptech Hà Nội	Ebook	2019
183	Quản trị hệ thống mạng Windows Server 2012	Tô Thanh Hải	NXB Phương Đông	2008
184	Tài liệu thực hành MCSE Server Infrastructure 70-413	Trần Thủy Hoàng	Ebook	2017
185	Mật mã an toàn thông tin	Trương Tiến Tùng	NXB Thông tin và Truyền thông	2011
186	Cryptography Theory and practice	Douglas R. Stinson	CRC Press	1995

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
187	Giáo trình kiến trúc và quản trị oracle	Nguyễn Quảng Ninh, Nguyễn Nam Thuận	NXB Hồng Đức	2005
188	Oracle® Database 2 Day + Security Guide 2019	Patricia Huey	Ebook	2019
189	Giáo trình Lập trình Web với ASP.Net	Nguyễn Minh Đạo	NXB Đại học Quốc gia TP. HCM	2014
190	Nhập môn xử lý ảnh số	Lương Mạnh Bá và Nguyễn Thanh Thủy	NXB KHKT	2006
191	Xử lý ảnh số lý thuyết và thực hành với Matlab	Hồ Văn Sung	NXB KHKT	2009
192	Nhận dạng và xử lý ảnh	Hoàng Văn Dũng	NXB KHKT	2018
193	OpenCV with Python By Example	Prateek Joshi	Ebook	2015
194	OpenCV-Python Tutorials Documentation Release1	Alexander Mordvintsev & Abid K	Ebook	2017
195	Computer Vision Toolbox – User’s Guide	The MathWorks	Ebook	2020
196	Image Processing Toolbox-User’s G	The MathWorks	Ebook	2020
197	Learn Hadoop in 1 Day	By Krishna Rungta	Design by Amandeep	2019
198	Introduction to Basic Schema	Apache HBase™ Reference Guide	Khurana, Version	
199	Hadoop The Definitive Guide	Tom White	Ebook	2015
200	Learning Spark	Holden Karau Andy Konwinski Matei Zaharia Patrick Wendell	Ebook	2015
201	Overview for Internet of Things:	Safa A. Ahmed,	Ebook	2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	Basics, Components and Applications	Nahla Fadhil Alwan & Ammar Mohamed Ali		
202	Internet-of-Things (IoT) Systems: Architectures, Algorithms, Methodologies,	Dimitrios Serpanos & Marilyn Wolf	NXB Springer (ebook)	2018
203	Turn your smartphone into an IoT device	Daniel Beguelin	Ebook	2020
204	Mạng cảm biến không dây trên nền kiến trúc IP	Phạm Việt Bình	NXB Khoa Học Kỹ Thuật	2012
205	Thiết kế hình ảnh cơ bản với photoshop	Jennifer Smith	NXB Bách Khoa	2015
206	Thiết kế hình ảnh nâng cao với photoshop	Jennifer Smith	NXB Bách Khoa	2015
207	Logic mờ và ứng dụng	Lê Xuân Vinh	NXB Xây dựng	2019
208	Logic toán	Trần Thọ Châu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2007
209	Giáo trình Logic mờ và ứng dụng	TS. Lê Xuân Vinh	NXB Xây dựng	2019
210	https://www.mathworks.com/solutions/image-video-processing/object-recognition.html			

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Trong quá trình đào tạo sinh viên ngành CNTT, Nhà trường thường xuyên kết hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để phát triển và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

- Để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành CNTT; đồng thời rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường, Khoa và Nhà trường tổ chức cho sinh viên khoá mới nhập học và sinh viên năm thứ 3, thứ 4 đi thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp trong nước liên quan đến ngành CNTT.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các quy chế, nội quy của Nhà trường. - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm.
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Tổ chức vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: Khai giảng năm học mới; ngày thành lập Đảng, Đoàn, Hội; ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11; các sự kiện lớn của đất nước, địa phương,...	- Phát triển, nâng cao kỹ năng mềm, khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường, yêu quê hương, đất nước.
3	Thăm quan phòng truyền thống của Nhà trường	Tập trung	Tổ chức vào dịp nghỉ hè và những ngày nghỉ trong tuần	Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển Nhà trường; cơ cấu tổ chức, các phòng, khoa, trung tâm trong Trường, từ đó có nhận thức đầy đủ về mái trường theo học.
4	Thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại doanh nghiệp	Tập trung	Tổ chức trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học. Sinh viên năm thứ 3 hoặc thứ 4	- Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. - Rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. - Vận dụng được kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực CNTT.
5	Hoạt động thư viện (ngoài giờ học,	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Bổ sung, cập nhật các kiến thức chuyên môn sâu liên

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
	sinh viên có thể đến thư viện nghiên cứu và tham khảo tài liệu)			quan đến ngành CNTT. Tìm kiếm thêm thông tin của ngành trên Internet.

14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 40 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm khách quan; từ 30 ÷ 45 phút/sinh viên đối với hình thức thi vấn đáp; từ 90 phút đến 120 phút đối với hình thức thi tự luận; từ 120 phút đến 180 phút đối với hình thức thi thực hành, đánh giá năng lực thực hiện. Đối với các học phần đánh giá kỹ năng nghe, đọc thì thời gian làm bài tối thiểu là 45 phút.

14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành CNTT và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm đề án tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế đề án tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp theo quy định.

14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Nhượng